

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 02 - 10 - 2018  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trung;
2. Bà Huỳnh Thị Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1976, có mặt;

- *Bị đơn:* Bùi Văn H, sinh năm 1971, vắng mặt;

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Văn P (Cha chị M), sinh năm 1941, vắng mặt;

2. Bùi Thị Thúy K (Con chị M), sinh năm 1992, vắng mặt;

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Tuyết M trình bày:*

*Về hôn nhân:* Năm 1991, chị Trần Thị Tuyết M và anh Bùi Văn H có tổ chức đám cưới và ngày 31 tháng 12 năm 2002, chị M và anh H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là phường T, thị xã N), tỉnh Đồng Tháp. Sau

khi kết hôn, chị và anh H cất nhà riêng sinh sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tình cảm đầm ấm, yêu thương nhau, được một thời gian ngắn, chị và anh H bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do anh H không lo làm ăn, mà suốt ngày ăn chơi, gây nợ nần, chị phải đứng ra trả nợ thay cho anh H rất nhiều lần, không chăm lo cho gia đình, không làm tròn trách nhiệm làm chồng, làm cha và chị cũng nhiều lần khuyên can, nhưng anh H không khắc phục, sửa chữa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Tuyết M nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên chị Trần Thị Tuyết M xin ly hôn với anh Bùi Văn H.

*Về con chung:* Có 02 người con chung tên Bùi Thị Thúy K, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1992 (đã có chồng và sống riêng) và Bùi Thanh M, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1996 (đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được), nên chị không yêu cầu giải quyết.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

*Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân thị xã N đã triệu tập và tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Bùi Văn H đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Bùi Văn H không ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng thủ tục tố tụng; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chị M và anh H được ly hôn; về con chung: 02 con (K và H) đã trưởng thành, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết; về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Chị Trần Thị Tuyết M khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[ 1 ] Chị Trần Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn H được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là anh Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Ngày 31 tháng 12 năm 2002, chị Trần Thị Tuyết M và anh Bùi Văn H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là phường T, thị xã N), tỉnh Đồng Tháp là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ, cãi vã, anh H không làm tròn trách nhiệm làm chồng, làm cha, không lo làm ăn, mà suốt ngày ăn chơi, nhậu nhẹt, say xỉn suốt ngày và chị M cũng đã nhiều lần khuyên can đề cho anh H có cơ hội khắc phục, sửa chữa, nhưng anh H không sửa chữa.

[4] Đến thời điểm này, chị Trần Thị Tuyết M và anh Bùi Văn H đã ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh H (Trong đó, có thông báo thụ lý vụ án), nhưng anh H cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận cho ly hôn.

[5] Về con chung: Hai người con chung tên Bùi Thị Thúy K, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1992 (đã có chồng và sống riêng) và Bùi Thanh M, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1996 đều đã trưởng thành, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M; về con, tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vậy, Chị Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; anh Bùi Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết M và anh Bùi Văn H được ly hôn.

Về con chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số:0005172 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Đồng Tháp; chị Trần Thị Tuyết M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Anh Bùi Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Trần Thị Tuyết M có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 02 tháng 10 năm 2018). Đối với anh Bùi Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã N;
- Các đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Trung**